

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ

Bảo Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Hà Thị Anh.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp:* Bà Hoàng Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-VDS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Đình D - sinh năm 1964.

- Bà Trần Thị B - sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Bản M, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai

(Đều có mặt tại phiên họp)

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Bàn Đình L - sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp).

- Ông Bàn Văn C - sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(Có mặt tại phiên họp).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Trần Đình D và bà Trần Thị B đều trình bày: Vợ chồng ông Trần Đình D và bà Trần Thị B có con đẻ là Trần Đình L sinh ngày 05/02/1998. Gia đình ông bà và gia đình ông Bàn Văn C là bạn bè thân thiết với nhau nên năm 2004 vợ chồng ông D bà B đã đồng ý

cho vợ chồng ông C và bà N nhận cháu L làm con nuôi. Hai gia đình đã làm các thủ tục đăng ký nhận con nuôi theo quy định của pháp luật và được UBND xã T, huyện B công nhận nuôi con nuôi theo quyết định số 03/QĐ-UB ngày 15/8/2004. Sau khi nhận con nuôi, cháu Lợi đã cải chính thay đổi họ theo họ của bố nuôi và lấy tên là Bàn Đình L.

Đến nay cháu L đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu có trình bày nguyện vọng muốn theo họ của bố mẹ đẻ, bố nuôi của cháu là ông C cũng nhất trí còn mẹ nuôi cháu là bà Nông Thị N đã mất năm 2019. Vì vậy ông Trần Đình D và bà Trần Thị B đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Bàn Văn C, bà Nông Thị N với cháu Bàn Đình L.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Đình L trình bày: Anh là con đẻ của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B. Khi còn nhỏ hai bên gia đình đã thống nhất cho anh làm con nuôi của ông Bàn Văn C và bà Nông Thị N. Sau khi làm thủ tục nhận con nuôi trên thực tế từ nhỏ anh vẫn sống cùng bố mẹ đẻ, thi thoảng qua lại với bố mẹ nuôi. Hiện nay anh L đã trưởng thành, đã đi làm và có thu nhập riêng, nguyện vọng của anh được theo họ của bố mẹ đẻ. Quá trình làm con nuôi giữa anh và ông C bà N không có mâu thuẫn gì, anh Lợi không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nuôi.

Tại bản tự khai ngày 14/10/2020 và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bàn Văn C có lời khai hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người yêu cầu. Quá trình anh Lợi làm con nuôi giữa ông bà và con nuôi không có mâu thuẫn gì, anh L không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nuôi. Đến nay ông D bà B có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, đây cũng là nguyện vọng chính đáng của ông D bà B và cháu L nên ông Bàn Văn C hoàn toàn nhất trí.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo.

Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Luật nuôi con nuôi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với Bàn Đình L (SN 05/02/1998) với ông Bàn Văn C, bà Nông Thị N.

Về lệ phí: Ông D bà B phải chịu lệ phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu "chấm dứt việc nuôi con nuôi" của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai theo điều 10 Luật nuôi con nuôi và điều 29, điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Đình L vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp theo đúng quy định tại điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi: Anh Bàn Đình L là con đẻ của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B. Năm 2004 do có mối quan hệ bạn bè nên ông D bà B đã nhất trí cho anh Lợi làm con nuôi của ông Bàn Văn C và bà Nông Thị Nhân. Hai gia đình đã làm các thủ tục đăng ký nhận con nuôi và UBND xã T, huyện Bcông nhận nuôi con nuôi theo quyết định số 03/QĐ-UB ngày 15/8/2004. Bà Nông Thị N là vợ ông C đã mất ngày 30/8/2019 theo trích lục khai tử của UBND xã M cấp ngày 05/9/2019. Đến nay ông D bà B yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Bàn Văn C bà Nông Thị N và anh Bàn Đình L. Xét thấy yêu cầu chấm dứt nuôi con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của ông Trần Đình D, bà Trần Thị B, anh Bàn Đình L, ông Bàn Văn C. Do đó căn cứ khoản 3 điều 26, điều 27 Luật nuôi con nuôi; Điều 78 luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B là phù hợp.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông D bà B chịu lệ phí việc dân sự theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 26; Điều 27 Luật nuôi con nuôi; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Đình D và bà Trần Thị B. Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Bàn Văn C bà Nông Thị N và anh Bàn Đình L (sinh ngày 05/02/1998) theo quyết định công nhận nuôi con nuôi số 03/QĐ-UB của UBND xã T cấp ngày 15/8/2004.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Đình D và bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001884 ngày 07/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Ông D bà B đã nộp đủ tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Trần Đình D, bà Trần Thị B, ông Bàn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh Bàn Đình L có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định .

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã T,
- Lưu: HS, TA

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hà Thị Anh**

**NXAGĐ** quý 2.2016 NX ko áp dụng khoản 1,2,3 Điều 330, khoản 1,2 Điều 331 BLTTDS

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, **7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự